

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường
vào Hệ tri thức Việt số hóa**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa”;

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-TTg ngày 08 tháng 05 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa”;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào Hệ tri thức Việt số hóa.

Điều 2. Hàng năm, Thủ trưởng các đơn vị chủ trì cung cấp thông tin có trách nhiệm rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật trên Hệ Tri thức Việt số hóa trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Công Thông tin điện tử BTNMT;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

QUY CHẾ

Cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào Hệ Tri thức Việt số hóa

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm
2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào Hệ tri thức Việt số hóa.
2. Thông tin, dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật vào Hệ tri thức Việt số hóa do Bộ Tài nguyên và Môi trường tạo ra.

Điều 2. Nguyên tắc cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào Hệ Tri thức Việt số hóa

1. Thông tin, dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường được cập nhật, công khai trên Hệ Tri thức Việt số hóa là dữ liệu mở, cá nhân, tổ chức được sử dụng, phân phối lại theo quy định của pháp luật.
2. Thông tin, dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường được cập nhật, công khai trên Hệ tri thức Việt số hóa duy nhất tại địa chỉ truy cập: <https://dulieu.itrithuc.vn/organization/bo-tai-nguyen-moi-truong> của Trang thông tin của đề án Hệ tri thức Việt số hóa.
3. Việc công khai thông tin phải kịp thời, đầy đủ, chính xác, minh bạch, thuận lợi cho việc khai thác; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình công khai, cập nhật thông tin, dữ liệu.
5. Bảo đảm kinh phí và các điều kiện vật chất liên quan đến công tác công khai và cập nhật thông tin, dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật và đặc điểm, điều kiện thực tế của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6. Tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước khi thực hiện việc công khai thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên Hệ Tri thức Việt số hóa.

Chương II

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Xây dựng kế hoạch

1. Hàng năm, để triển khai kế hoạch thực hiện Đề án Tri thức Việt số hóa của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường thực hiện:

a) Chủ trì hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng kế hoạch triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa hàng năm của đơn vị.

b) Tổng hợp kế hoạch của các đơn vị trực thuộc Bộ, xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

c) Đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch, rà soát, đề xuất điều chỉnh và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt điều chỉnh kế hoạch.

2. Vụ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường trong việc lập, trình phê duyệt hoạch thực hiện Đề án Tri thức Việt số hóa hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch.

3. Các đơn vị thuộc Bộ thực hiện Bộ xây dựng kế hoạch triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa năm sau của đơn vị, gửi Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường tổng hợp.

Điều 4. Nội dung kế hoạch

1. Nội dung kế hoạch triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa hàng năm bao gồm:

- a) Mục đích, yêu cầu
- b) Các nhiệm vụ chủ yếu
- c) Nguồn kinh phí
- d) Tổ chức thực hiện
- e) Trách nhiệm báo cáo

2. Kế hoạch triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa hàng năm của các đơn vị trực thuộc Bộ theo mẫu số KH-01 (Phụ lục II).

3. Kế hoạch triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo mẫu số KH-02 (Phụ lục III).

Chương III

CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀO HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA

Điều 5. Danh mục cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Hệ Tri thức Việt số hóa

1. Danh mục cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Hệ tri thức Việt số hóa quy định tại Phụ lục I của Quy chế này.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ theo phân công tại Điều 6 của Quy chế này có trách nhiệm rà soát, đề xuất điều chỉnh danh mục dữ liệu cho năm tiếp theo gửi về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường tổng hợp.

3. Định kỳ vào tháng 12 hàng năm, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường tổng hợp đề xuất điều chỉnh danh mục dữ liệu cho năm tiếp theo của các đơn vị trực thuộc Bộ, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

Điều 6. Trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào Hệ tri thức Việt số hóa

1. Đơn vị chủ trì tạo ra thông tin thuộc cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật trên Hệ tri thức Việt số hóa có trách nhiệm cập nhật vào Hệ tri thức Việt số hóa. Các đơn vị chủ trì tạo ra thông tin được quy định tại Phụ lục I của Quy chế này.

2. Đơn vị chủ trì cập nhật thông tin, dữ liệu vào Hệ tri thức Việt số hóa quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm trước Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung của thông tin, dữ liệu mà đơn vị đã cập nhật vào Hệ tri thức Việt số hóa.

Điều 7. Quản lý tài khoản truy cập, cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên Hệ Tri thức Việt số hóa

1. Tài khoản truy cập, cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên Hệ Tri thức Việt số hóa là tài khoản có tên truy cập trùng với địa chỉ hòm thư công vụ (@monre.gov.vn) và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho các cá nhân của đơn vị theo thông tin đã đăng ký của đơn vị.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ lập danh sách các tài khoản truy cập, cập nhật của đơn vị gửi Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường đăng ký cấp phát tài khoản.

3. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường quản lý thống nhất, phân quyền truy cập, cập nhật, quản trị các tài khoản truy cập của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên Hệ Tri thức Việt số hóa. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường công bố danh sách tài khoản truy cập, cập nhật trên Hệ Tri thức Việt số hóa, chỉ những tài khoản thuộc danh sách đã công bố mới có thẩm quyền biên tập, cập nhật, công khai thông tin, dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên Hệ Tri thức Việt số hóa.

4. Các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm quản lý các tài khoản truy cập của đơn vị trên Hệ Tri thức Việt số hóa theo quy định tại Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác. Trường hợp cá nhân người được cấp tài khoản đổi vị trí công tác, chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu, trong vòng không quá 05 ngày làm việc, đơn vị quản lý cá nhân đó phải thông báo cho Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường để điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ các quyền truy cập, sử dụng của tài khoản đó.

5. Trong trường hợp phát hiện tài khoản được cấp đăng thông tin, dữ liệu ngoài danh mục được Bộ phê duyệt hoặc các thông tin, dữ liệu chưa được các đơn vị chủ quản phê duyệt, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường thực hiện việc khóa tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xử lý theo quy định.

6. Cá nhân người được cung cấp tài khoản truy cập, cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên Hệ Tri thức Việt số hóa có trách nhiệm bảo mật và bảo vệ thông tin tài khoản của mình theo quy định.

Điều 8. Quy trình cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên Hệ Tri thức Việt số hóa

1. Căn cứ vào Kế hoạch triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì theo quy định tại Điều 6 Quy chế này xây dựng và phê duyệt Kế hoạch chi tiết cập nhật thông tin, dữ liệu vào Hệ Tri thức Việt số hóa (Mẫu KH-01) và gửi về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường để tổng hợp, theo dõi.

2. Căn cứ vào Kế hoạch chi tiết đã được phê duyệt của các đơn vị trực thuộc Bộ, tổ chức xây dựng, chuẩn hóa, biên tập nội dung chi tiết cho các bộ dữ liệu sẽ được công khai lên Hệ Tri thức Việt số hóa, mỗi bộ dữ liệu bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Tiêu đề
- b) Thông tin mô tả
- c) Danh mục từ khóa mô tả bộ dữ liệu
- d) Loại giấy phép công khai dữ liệu

đ) Loại công khai (Riêng tư, Công khai)

e) Nguồn dữ liệu: tệp tin của bộ dữ liệu hoặc đường dẫn kết nối (link) đến bộ dữ liệu.

3. Cá nhân hoặc tổ chức được giao quyền kiểm duyệt đối với thông tin, dữ liệu công khai trên Hệ Tri thức Việt số hóa của đơn vị có trách nhiệm phê duyệt nội dung của bộ dữ liệu công khai trên Hệ Tri thức Việt số hóa vào đúng danh mục đã được thiết lập và quy định cho lĩnh vực mà đơn vị quản lý.

4. Cá nhân được cấp tài khoản của đơn vị (có quyền biên tập) thực hiện việc cập nhật bộ dữ liệu đã được phê duyệt lên trên Trang thông tin điện tử của Hệ Tri thức Việt số hóa, và thiết lập mức công khai là Riêng tư.

5. Cá nhân hoặc tổ chức được giao quyền phê duyệt của đơn vị thực hiện việc rà soát, kiểm tra, đối sánh thông tin đã được cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Hệ Tri thức Việt số hóa với thông tin đã được phê duyệt, thực hiện việc phê duyệt và chuyển mức công khai thành Công khai.

6. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường có trách nhiệm hướng dẫn quy trình cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào Hệ tri thức Việt số hóa.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Vụ Khoa học và Công nghệ

1. Thực hiện các trách nhiệm được giao tại Quy chế này.

2. Rà soát, bố trí nguồn vốn từ nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ cho việc triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa và các sự kiện, hoạt động khác có liên quan của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 10. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường

1. Thực hiện các trách nhiệm được giao tại Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai Quy chế này và các quy định liên quan của Nhà nước.

3. Chủ trì xây dựng các báo cáo triển khai Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa tại Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ

1. Thực hiện các trách nhiệm được giao tại Quy chế này.

2. Thực hiện việc rà soát danh mục, cập nhật thông tin, dữ liệu theo quy định tại Phụ lục I của Quy chế này và chịu trách nhiệm về thông tin, dữ liệu thuộc lĩnh vực được giao cập nhật, quản lý trên Trang thông tin điện tử Hệ Tri thức Việt số hóa.

3. Lập báo cáo Triển khai Đề án Hệ tri thức Việt số hóa tại đơn vị định kỳ hàng năm gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ và Cục Công nghệ thông tin và dữ liệu tài nguyên môi trường để tổng hợp trước ngày 15 tháng 12.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế này tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị mình, chỉ đạo việc công khai, xử lý, cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật vào Hệ Tri thức Việt số hóa theo quy định; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện về Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường.

2. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc thực hiện Quy chế này, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ những vấn đề vướng mắc phát sinh; trong trường hợp cần thiết, đề xuất Lãnh đạo bộ sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CÔNG KHAI TRÊN HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA

STT	Danh mục thông tin, dữ liệu	Đơn vị chủ trì tạo ra thông tin
1.	Thông tin, dữ liệu chung của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường
a.	Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ TNMT	
b.	Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực TNMT và các phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của bộ TNMT	
c.	Thông tin danh mục dự án, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, mua sắm công và quản lý nhà ở tại Việt Nam	
d.	Công bố về tình trạng vi phạm pháp luật và kết quả xử lý vi phạm pháp luật đối với các lĩnh vực do Bộ quản lý	
2.	Thông tin, dữ liệu về đất đai	Tổng cục Quản lý đất đai
a.	Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	
b.	Giá đất cụ thể để tính giá trị quyền sử dụng đất, tính giá thuê đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	
c.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia	
d.	Công bố về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai và kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai	
đ.	Các trường hợp bất khả kháng ảnh hưởng đến tiến độ sử dụng đất của dự án đầu tư đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất	
e.	Danh sách Giấy chứng nhận đã bị hủy	

	<p>đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 87, nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp giấy chứng nhận</p>	
3.	Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước	
a.	Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước trong nước và liên quốc gia;	
b.	Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.	
c.	Thông tin, dữ liệu về sông suối, hồ chứa.	
d.	<p>Thông tin, dữ liệu tài nguyên nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài nguyên nước mặt hình thành trên lãnh thổ Việt Nam và từ nước ngoài chảy vào tại các trạm quan trắc (dòng chảy trung bình tháng trong năm; giá trị dòng chảy lớn nhất, nhỏ nhất trong năm). + Tài nguyên nước dưới đất tại các trạm quan trắc trong năm (mức nước trung bình tháng; mức nước nhỏ nhất, lớn nhất năm; chất lượng nước dưới đất). 	Cục Quản lý Tài nguyên nước
e.	<p>Thông tin về khai thác, sử dụng nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy định giá trị dòng chảy tối thiểu tại: vị trí sau đập dâng, hồ chứa theo quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; các điểm kiểm soát dòng chảy tối thiểu trên các sông trong Quy hoạch Tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh. + Tổng lượng nước khai thác, sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt và các mục đích khác (đã được quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) theo 	

	từng lưu vực sông, vùng kinh tế và trên cả nước.	
4.	Thông tin, dữ liệu về môi trường	
a.	Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp	
b.	Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách đỏ Việt Nam	
c.	Quy hoạch môi trường; báo cáo quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học	
d.	Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường; báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm	
đ.	Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu	Tổng cục Môi trường
e.	Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường	
g.	Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường	
h.	Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp	

i.	Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại	
5	Thông tin, dữ liệu về địa chất khoáng sản	
a.	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
b.	Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản;	
6	Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn	
a.	<i>Dữ liệu về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn</i>	Tổng cục Khí tượng Thủy văn
-	Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;	
-	Sản phẩm của các mô hình dự báo;	
-	Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh;	
-	Thông báo tình hình khí tượng thủy văn;	
-	Thông tin, dữ liệu thu được từ tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;	
-	Thông tin, dữ liệu về thiên tai khí tượng thủy văn.	
b.	<i>Dữ liệu về khí hậu</i>	
-	Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;	
-	Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia.	
c.	<i>Dữ liệu khác về khí tượng thủy văn</i>	
-	Phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;	
-	Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.	
-	Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.	
7	Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	
a.	Thông tin, dữ liệu, sản phẩm của hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam
b.	Dữ liệu, danh mục địa danh.	
c.	Bản đồ chuẩn biên giới quốc gia	

8	Thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam
a.	Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, đầm phá ven biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ;	
b.	Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên biển, đảo và đầm phá ven biển;	
c.	Thông tin tài liệu về loại hình, cấu trúc, địa hình đường bờ, hành lang bảo vệ bờ biển.	
9	Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu	Cục Biến đổi khí hậu
a.	Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính.	
b.	Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến hoạt động tự nhiên, kinh tế - xã hội.	
c.	Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.	
d.	Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ.	
10	Thông tin, dữ liệu về viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia
a.	Siêu dữ liệu viễn thám.	
11	Thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ Các Trường, Viện trực thuộc Bộ
a.	Thông tin, dữ liệu, tài liệu, số liệu, bản đồ kết quả điều tra cơ bản các lĩnh vực trong ngành tài nguyên và môi trường	
b.	Ấn phẩm khoa học công nghệ (bài báo, báo cáo khoa học. ...), các sản phẩm của các công trình khoa học công nghệ trong ngành tài nguyên và môi trường	
c.	Sách, báo, tạp chí, sản phẩm thông tin, tuyên truyền trong ngành tài nguyên và môi trường	

PHỤ LỤC II
MẪU KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA
HÀNG NĂM CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ (Mẫu KH-01)

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA NĂM 20...
ĐƠN VỊ:.....

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Đề án Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa (theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ) trong năm 20...

- Triển khai các nội dung công việc theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Đề án về xây dựng Bản đồ số, các ứng dụng trên thiết bị di động để liên kết/tích hợp vào Hệ tri thức Việt số hóa.

- Tăng cường trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ, Đoàn thanh niên Bộ; khuyến khích sự tham gia của cán bộ, công chức, viên chức với vai trò vừa khai thác vừa đóng góp để làm giàu các tài nguyên tri thức số hóa của Việt Nam.

II. NỘI DUNG

Nội dung, tiến độ công việc và phân công trách nhiệm cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

...

IV. TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO

...

PHỤ LỤC
NỘI DUNG TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA NĂM 20...
ĐƠN VỊ:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Sản phẩm
I	Hoạt động triển khai đề án					
1.1	Nội dung 1					
1.2	Nội dung 2					
..	..					

II	Cập nhật cơ sở dữ liệu vào Hệ Tri thức Việt số hóa					
2.1	Bộ dữ liệu 2.1					
2.2	Bộ dữ liệu 2.2					
	...					

PHỤ LỤC III
MẪU KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA
HÀNG NĂM CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Mẫu KH-02)

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA NĂM 20...
CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../QĐ-TNMT ngày .. tháng .. năm 20..
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Đề án Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa (theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ) trong năm 20...

- Triển khai các nội dung công việc theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Đề án về xây dựng Bản đồ số, các ứng dụng trên thiết bị di động để liên kết/tích hợp vào Hệ tri thức Việt số hóa.

- Tăng cường trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ, Đoàn thanh niên Bộ; khuyến khích sự tham gia của cán bộ, công chức, viên chức với vai trò vừa khai thác vừa đóng góp để làm giàu các tài nguyên tri thức số hóa của Việt Nam.

II. NỘI DUNG

Nội dung, tiến độ công việc và phân công trách nhiệm cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

III. NGUỒN KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện triển khai Đề án Hệ tri thức Việt số hóa năm 20... của Bộ Tài nguyên và môi trường được huy động từ các nguồn kinh phí được giao quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

- Theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn việc thực hiện những nội dung công việc của các đơn vị.

- Phối hợp với Cục Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Đề án.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ

- Chủ động nguồn lực và tổ chức thực hiện các nội dung công việc được phân công theo quy định.

- Chủ động đề xuất và xây dựng các nội dung công việc thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị.

- Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường, Vụ Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai các nội dung công việc theo Kế hoạch này.

V. TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO

1. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường

Thực hiện báo cáo Bộ qua Vụ Khoa học và Công nghệ, Ban chỉ đạo Đề án tình hình triển khai Đề án Hệ tri thức Việt số hóa của Bộ 6 tháng, cả năm và đột xuất khi có yêu cầu.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ

Thực hiện báo cáo Bộ (qua Vụ khoa học và Công nghệ, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường tổng hợp) về việc đóng góp, cập nhật thông tin, dữ liệu của đơn vị, của Bộ lên Hệ tri thức Việt số hóa 6 tháng, cả năm và đột xuất khi có yêu cầu.

PHỤ LỤC

NỘI DUNG TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỆ TRI THỨC VIỆT SỐ HÓA NĂM 20... CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định .../QĐ-TNMT ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Sản phẩm
I Hoạt động triển khai đề án						
1.1	Nội dung 1					
1.2	Nội dung 2					
..	..					
II Cập nhật cơ sở dữ liệu của Bộ TNMT vào Hệ Tri thức Việt số hóa						
2.1	Cập nhật thông tin, dữ liệu chung của Bộ Tài nguyên và Môi trường					
	Nội dung 2.1.1					
	Nội dung 2.1.2					

	...					
2.2	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực đất đai					
	Nội dung 2.2.1					
	Nội dung 2.2.2					
	...					
2.3	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực tài nguyên nước					
	Nội dung 2.3.1					
	Nội dung 2.3.2					
	...					
2.4	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực địa chất và khoáng sản					
	Nội dung 2.4.1					
	Nội dung 2.4.2					
	...					
2.5	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực môi trường					
	Nội dung 2.5.1					
	Nội dung 2.5.2					
	...					
2.6	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực khí tượng thủy văn					
	Nội dung 2.6.1					
	Nội dung 2.6.2					
	...					
2.7	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực đo đạc và bản đồ					
	Nội dung 2.7.1					
	Nội dung 2.7.2					
	...					

2.8	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực tài nguyên môi trường biển và hải đảo					
	Nội dung 2.8.1					
	Nội dung 2.8.2					
	...					
2.9	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực biến đổi khí hậu					
	Nội dung 2.9.1					
	Nội dung 2.9.2					
	...					
2.10	Cập nhật thông tin, dữ liệu lĩnh vực viễn thám					
	Nội dung 2.10.1					
	Nội dung 2.10.2					
	...					
2.11	Cập nhật thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học ngành tài nguyên môi trường					
1	Nội dung 2.11.1					
	Nội dung 2.11.2					
	...					